

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Hà nội, tháng 4 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1-2
Báo cáo của Kiểm toán viên độc lập	3-5
Bảng cân đối kế toán	6-7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-41

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (“Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa được trước đây là Công ty Cổ phần Thịnh Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần với mã số 2800947548, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 2 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 23 tháng 6 năm 2014. Theo đó vốn điều lệ của Công ty là 210.000.000.000 đ (*Hai trăm mười tỷ đồng*)

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và kinh doanh bất động sản.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản

Ông Lê Anh Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Đạt	Thành viên
Ông Lê Xuân Hoàng	Thành viên
Ông Trương Thành Long	Thành viên
Ông Vũ Đức Tiến	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Đạt	Giám đốc
Ông Lê Văn Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Liêm	Phó Giám đốc

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kê toán

Tổng Cty ĐTXD & TM Anh Phát là một trong những nhà thầu của Công ty tại Công trình “Dự án SLMB nhà máy LHD Nghi Sơn”. Trong Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành ngày 12/1/2011 căn cứ phụ lục hợp đồng số 05/PLHĐ/BNS-AP ngày 21/01/2011, Công ty đã xác nhận và thanh toán không đúng về khối lượng và đơn giá với tổng giá trị bao gồm cả thuế giá trị gia tăng là 5.073.087.045 đồng. Tổng Cty ĐTXD & TM Anh Phát đã xác nhận khối lượng này trong “Biên bản xác nhận giá trị khối lượng phần việc PVC quản lý thuộc Phiếu giá thanh toán lần 6” được lập ngày 31/3/2017. Do đó, Công ty đã ghi nhận khoản phải thu 5.073.087.045 đồng đối với Tổng Cty ĐTXD & TM Anh Phát, đồng thời ghi nhận khoản thu nhập 4.611.897.314 đồng và thuế giá trị gia tăng 461.189.731 đồng vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Giám đốc cam kết không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày khóa sổ kê toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được bổ nhiệm làm Kiểm toán viên cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

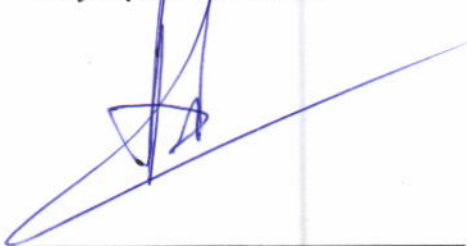
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Đối với việc lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách thích hợp tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Quốc Đạt

Giám đốc

Thanh Hóa, ngày 3 tháng 4 năm 2017

Số: 364/2017/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 03/04/2017 từ trang 05 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Chúng tôi không thu thập được thư xác nhận cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để xác nhận số dư công nợ của một số khách hàng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 thuộc các khoản mục gồm "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" 4.097.043.945 đồng, "Phải thu dài hạn của khách hàng" 4.277.999.716 đồng, "Phải thu ngắn hạn khác" 30.893.149.763 đồng, "Phải thu dài hạn khác" 10.487.542.727 đồng, "Trả trước cho người bán dài hạn" 8.980.287.086 đồng, "Phải trả người bán ngắn hạn" 7.271.804.256 đồng và "Phải trả người bán dài hạn" 39.372.360.809 đồng. Do đó chúng tôi không có đủ căn cứ để xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không;

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)**

- Thuyết minh số V.6 Thuyết minh báo cáo tài chính trình bày, trong năm 2015, Công ty đã hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 11.783.319.653 đồng. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính, mặc dù chưa thu hồi bất kỳ số tiền nào từ các khoản nợ phải thu đã trình bày, nhưng Công ty chưa tái lập dự phòng đối với các khách nợ liên quan;
- Như trình bày tại Thuyết minh V.05b, khoản phải thu có giá trị 7.464.542.727 đồng đối với Ông Dương Trọng Hưng liên quan tới chi phí xây dựng cơ bản dở dang đã thực hiện nhưng không có hóa đơn chứng từ. Các khoản chi phí này phát sinh từ năm 2011, thời điểm Ông Dương Trọng Hưng là cán bộ của Công ty. Đến nay, Ông Hưng vẫn chưa xác nhận khoản nợ này và Công ty chưa thu hồi được bất kỳ số tiền nào từ số nợ phải thu của Ông Hưng đồng thời cũng chưa tiến hành lập dự phòng cho khoản phải thu này;
- Như trình bày tại Thuyết minh V.08a, khoản chi phí đi vay (ước tính) năm 2015 là 36.984.228.196 và năm 2016 là 41.174.591.913 đồng của dự án “Khách sạn Lam Kinh” đồng chưa được ghi nhận và mức chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được và giá gốc của dự án “Khách sạn Lam Kinh” là âm (-) 5.782.331.868 đồng chưa được ghi nhận dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016;

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

- Chúng tôi lưu ý tới Thuyết minh số V.8 (a) phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Thuyết minh này trình bày về điều kiện thực hiện Hợp đồng Số 41/2011/HDCN ngày 30/11/2011 với nội dung Công ty chuyển nhượng dự án Khách sạn Lam Kinh cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh. Theo đó, hợp đồng chuyển nhượng chỉ có thể được thực hiện với sự chấp thuận của Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam do dự án đã thế chấp cho các khoản vay dài hạn. Đến thời điểm 31/12/2016, chưa có bằng chứng chắc chắn cho thấy Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam chấp thuận hợp đồng chuyển nhượng nói trên. Tuy nhiên, như đã trình bày, một phần dự án đã được ghi nhận doanh thu trong các năm tài chính trước đây.
- Chúng tôi lưu ý tới Thuyết minh số V.8 (b) phần Thuyết minh báo cáo tài chính, về sự liên quan tới số dư khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án 157 ha Nghi Sơn 22.230.253.748 đồng. Dự án đã bị chấm dứt tại ngày 1/8/2013 theo quyết định số 235/QĐ-BQLKKTNS của Ban quản lý khu kinh tế Nghi Sơn. Ngày 24/9/2014, Công ty đã có biên bản làm việc với đối tác là Tổng Công ty Đầu tư và Xây dựng An Phát – CTCP đồng thời là cổ đông lớn về việc thỏa thuận hoàn trả chi phí đã đầu tư tại dự án, theo đó thống nhất giá trị đầu tư được hoàn trả 14.760.774.232, giá trị chưa được thống nhất là 11.661.761.861 đồng, liên quan tới chi phí đền bù giải phóng mặt bằng mà Công ty đã ứng cho các hộ dân để thu hồi đất do chưa hoàn thiện các thủ tục có liên quan. Công ty đang trong quá trình làm việc với Tổng Công ty Đầu tư và Xây dựng An Phát – CTCP để làm rõ giá trị còn chưa thống nhất.
- Chúng tôi lưu ý tới sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày tại Báo cáo của Ban Giám đốc. Ảnh hưởng của sự kiện đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 là việc ghi nhận khoản phải thu 5.073.087.045 đồng đối với Tổng Cty ĐTXD & TM Anh Phát (bên liên quan), đồng thời với việc ghi nhận khoản thu nhập khác 4.611.897.314 đồng và thuế giá trị gia tăng 461.189.731 đồng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Nguyễn Tài Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0133-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 10/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 10/10/2015 của Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà nội, ngày 4 tháng 4 năm 2017

Nguyễn Văn Thắng
Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0857-2015-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

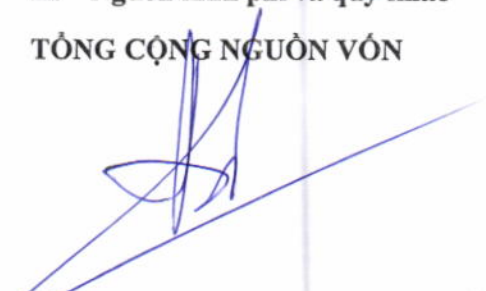
MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		145.498.603.377	138.061.877.499
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	1.131.325.442	1.431.877.761
1. Tiền	111		1.131.325.442	1.431.877.761
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	25.494.282.399	27.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		25.494.282.399	27.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		42.897.044.882	37.126.163.906
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	6.564.663.245	5.128.971.702
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	1.088.870.000	2.647.511.896
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	35.243.511.637	29.349.680.308
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137			
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	67.147.500.336	55.441.458.138
1. Hàng tồn kho	141		67.147.500.336	55.441.458.138
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.828.450.318	16.562.377.694
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.043.163.208	1.707.371.708
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		883.291.703	180.776.476
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.14	60.521.822	362.476.497
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		5.841.473.585	14.311.753.013
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			511.900.765.427	514.039.504.907
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		144.906.655.928	144.423.527.625
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	72.831.510.991	70.617.978.269
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.04	61.607.602.210	63.338.006.629
3. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	10.487.542.727	10.487.542.727
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.06	(20.000.000)	(20.000.000)
II. Tài sản cố định	220		4.145.448.828	1.599.656.729
I. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	4.145.448.828	1.599.656.729
- Nguyên giá	222		11.202.458.946	8.073.952.612
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.057.010.118)	(6.474.295.883)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	58.595.123.195	61.036.583.615
- Nguyên giá	241		73.235.868.711	73.235.868.711
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(14.640.745.516)	(12.199.285.096)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	298.655.499.545	299.345.650.599
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	261		242.209.430.021	241.869.563.063
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	262		56.446.069.524	57.476.087.536
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	5.451.035.517	6.920.197.466
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		18.296.788.082	18.296.788.082
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(12.845.752.565)	(11.376.590.616)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		147.002.414	713.888.873
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		147.002.414	713.888.873
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			657.399.368.804	652.101.382.406


BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)


MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		519.694.617.546	515.396.942.399
I. Nợ ngắn hạn	310		110.946.825.740	99.130.139.796
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	15.406.206.102	8.582.857.232
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	7.687.269.162	3.226.093.030
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.023.468.304	784.533.174
4. Phải trả người lao động	314		637.750.576	1.939.007.566
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	7.614.231.523	7.490.795.015
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	1.010.822.660	1.710.303.388
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	74.036.237.922	71.837.310.900
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.530.839.491	3.559.239.491
II. Nợ dài hạn	330		408.747.791.806	416.266.802.603
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	79.148.373.708	85.372.644.357
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17	19.732.620.319	20.213.903.741
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	309.866.797.779	310.680.254.505
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		137.704.751.258	136.704.440.007
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	137.704.751.258	136.704.440.007
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	210.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	415		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.355.535.090	6.355.535.090
8. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.567.942.490	1.567.942.490
10. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(80.218.726.322)	(81.219.037.573)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			657.399.368.804	652.101.382.406


Nguyễn Quốc Đạt
Giám đốc

Thanh Hóa, ngày 03 tháng 04 năm 2017

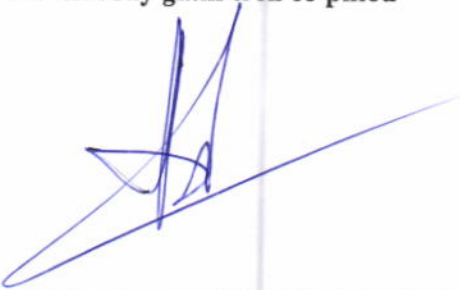

Vũ Thị Hải
Phụ trách kế toán


Dương Thị Nhung
Người lập


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2016


MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	44.816.817.212	51.884.848.368
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		25.660.000,0	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		44.791.157.212	51.884.848.368
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	37.421.211.630	41.613.510.657
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.369.945.582	10.271.337.711
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	62.261.541	25.349.642
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	4.043.253.164	4.608.064.076
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.211.384.402	(3.966.309.849)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.822.430.443)	9.654.933.126
11. Thu nhập khác	31	VI.05	5.389.592.825	195.290.421
12. Chi phí khác	32	VI.06	533.351.131	2.282.141
13. Lợi nhuận khác	40		4.856.241.694	193.008.280
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.033.811.251	9.847.941.406
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.033.811.251	9.847.941.406
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		49	469
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-


Nguyễn Quốc Đạt
Giám đốc

Thanh Hóa, ngày 03 tháng 04 năm 2017


Vũ Thị Hải
Phụ trách kế toán


Dương Thị Nhung
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Mẫu số B 03-DN	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1 Lợi nhuận trước thuế	01	1.033.811.251	9.847.941.406
2 Điều chỉnh cho các khoản		7.340.235.833	(3.939.510.163)
- Khấu hao TSCĐ	02	3.588.073.578	3.384.462.525
- Các khoản dự phòng	03	1.469.161.949	(9.942.810.240)
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(291.090.909)	(121.405.793)
- Chi phí lãi vay	06	2.574.091.215	2.740.243.345
3 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	8.374.047.084	5.908.431.243
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	(1.180.922.234)	21.008.427.156
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(12.045.909.156)	(145.604.000)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	2.565.440.658	(24.536.654.783)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	231.094.959	270.822.503
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(173.191.045)
- Thuế thu nhập đã nộp	15	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	3.699.147.059	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(730.915.228)	(678.653.315)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	911.983.142	1.653.577.759
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(2.662.387.245)	(1.608.042.557)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	291.090.909	141.786.815
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.494.282.399)	-
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.500.000.000	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	(365.578.735)	(1.466.255.742)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	-	-
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	3.220.000.000
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(813.456.726)	(2.760.000.000)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(33.500.000)	-
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40	(846.956.726)	460.000.000

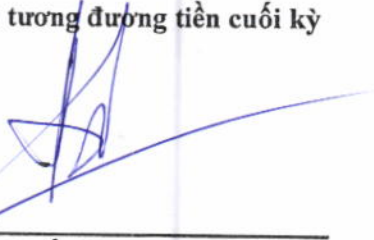
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

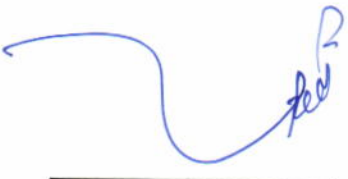
Năm 2016 (tiếp theo)


Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VNĐ	
		Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển thuần trong kỳ	50	(300.552.319)	647.322.017
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.431.877.761	784.555.744
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.131.325.442	1.431.877.761


 Nguyễn Quốc Đạt
 Giám đốc

Thanh Hóa, ngày 03 tháng 04 năm 2017


 Vũ Thị Hải
 Phụ trách kế toán


 Dương Thị Nhung
 Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***MẪU SỐ B 09-DN****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1. Hình thức sở hữu**

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa được trước đây là Công ty Cổ phần Thịnh Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần với mã số 2800947548, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 2 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 23 tháng 6 năm 2014. Theo đó vốn điều lệ của Công ty là 210.000.000.000 đ (Hai trăm mười tỷ đồng)

2. Ngành nghề kinh doanh chính

- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Khai thác lâm sản trừ gỗ; Trồng rừng và chăm sóc rừng, khai thác gỗ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng đi thuê. Đầu tư cải tạo đất, đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê đã có hạ tầng, phát triển các dự án nhà ở trong khu đô thị, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động; Đại lý du lịch, điều hành tour du lịch;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ, xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, công trình đường dây và trạm biến áp đến 35kv, công trình thể thao ngoài trời, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị, khu kinh tế;
- Phá dỡ, lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sắt, thép, gang; sản xuất các cấu kiện kim loại; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Kho bãi lưu giữ hàng hóa; và một số dịch vụ khác

II. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán: Nhật ký chung dựa trên máy tính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Các loại tỷ giá hối đoái***Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam tại ngày 31/12/2016.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam tại ngày 31/12/2016.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền*Nguyên tắc xác định tiền*

Tiền bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển. Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi. Tiền đang chuyển được ghi nhận dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản cho vay*

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.
- Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.
- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.
- Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013. Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu về giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***MẪU SỐ B 09-DN****IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bảo quản, bốc xếp trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng. Chi phí chế biến bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung biến đổi và chi phí sản xuất chung cố định.

Phương pháp ghi nhận hàng tồn kho

Giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho được áp dụng là phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm kết thúc niên độ kế toán và được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định*Nguyên tắc ghi nhận*

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, bằng sáng chế và các tài sản cố định vô hình khác. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ... Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) và các chi phí trực tiếp ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định thuê tài chính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Phương pháp khấu hao

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

	2016
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư***Nguyên tắc ghi nhận*

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như các tài sản cố định khác.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì được ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi vốn hóa.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước liên quan đến năm tài chính hiện tại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn cho các kỳ hạch toán theo phương pháp đường thẳng, số năm phân bổ dựa vào tính chất và mức độ của từng loại chi phí.

11. Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****11. Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả (tiếp theo)**

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng có thể được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó thực sự phát sinh thì khoản chênh lệch (nếu có) được ghi bổ sung hoặc ghi giảm tương ứng.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ. Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

15. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí trong kỳ.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế nhận được từ các chủ sở hữu của Công ty;

Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận sau thuế từ các hoạt động của Công ty sau khi thực hiện việc chia cổ tức cho các thành viên dựa trên tỷ lệ vốn góp theo quyết định của Hội đồng thành viên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***MẪU SỐ B 09-DN****IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi :

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng được xác định một cách đáng tin cậy.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Phần công việc đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Thu nhập cho vay, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi phát sinh tính theo tỷ suất sinh lợi thực tế.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập do bán chứng khoán được ghi nhận trên cơ sở chênh lệch giữa giá bán và giá gốc của chứng khoán.

18. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

19. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính ;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Chi phí tài chính khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập chịu thuế theo thuế suất hiện hành là 20%. Năm 2016, Công ty có lợi nhuận nhưng không có thu nhập chịu thuế do chuyển lỗ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ hoặc không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ để tính thuế và các khoản lỗ từ các năm trước mang sang, nếu có.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế của tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Năm 2016, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận.

21. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Ngày 6/11/2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ. Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc, nợ phải trả tài chính bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Ngoại trừ phải thu khách hàng và phải thu khác được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng phải thu khó đòi và các khoản đầu tư tài chính được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, thì hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

22. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra các quyết định chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****24. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hiện nay, phần lớn hoạt động của Công ty tập trung vào lĩnh vực kinh doanh xây lắp. Do đó việc trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là hoàn toàn không cần thiết.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tập trung tại khu vực tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy việc không lập báo cáo này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày báo cáo tài chính nói chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Tiền mặt	195.778.321	149.542.642
Tiền gửi ngân hàng	935.547.121	1.282.335.119
Tổng cộng	<u><u>1.131.325.442</u></u>	<u><u>1.431.877.761</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

02. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Hồng (*)	23.000.000.000	23.000.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	2.494.282.399	2.494.282.399	-	-
Tổng cộng	25.494.282.399	25.494.282.399	27.500.000.000	27.500.000.000

(*) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 24/2011/HĐHTĐT-PVC.TH-PVSH ngày 8/9/2011, Công ty chuyển giao 27,5 tỷ đồng cho Công ty Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Hồng để đầu tư vào dự án Khu đô thị PVSH Garden tại huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với mức phí sử dụng vốn là 17%/năm trong 180 ngày kể từ thời điểm Công ty giao vốn. Bản chất kinh tế của hợp đồng là việc Công ty cho vay ngắn hạn với lãi suất 17%/năm. Hợp đồng gốc có thời hạn đáo hạn là 6 tháng kể từ ngày 9/9/2011. Khoản đầu tư này đã được gia hạn 3 lần, thời gian đáo hạn theo phụ lục số 3 là ngày 12/6/2013. Công ty đã dùng thu phí sử dụng vốn tại thời điểm 30/6/2013. Trong năm 2016, Công ty đã thu hồi 4.500.000.000 đồng từ khoản đầu tư này.

Ngày 1/7/2014, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Hồng đã có Công văn số 297/CV-PVSH đề xuất toàn bộ số tiền góp vốn hợp tác và toàn bộ phí sử dụng vốn sẽ được hoán đổi với 474.450 cổ phần của Công ty Địa ốc Dầu khí Viễn Thông (chủ đầu tư dự án Nam Đàn Plaza, đường Phạm Hùng, Hà Nội) mà Công ty Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Hồng là cổ đông góp vốn.

Tại thời điểm 31/12/2016, số dư phí sử dụng vốn có giá trị 6.492.986.111 đã được Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Hồng xác nhận. Ban Giám đốc Công ty đánh giá và cam kết khoản đầu tư và phí sử dụng vốn này sẽ được thu hồi chắc chắn trong tương lai

b) Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh (*)	18.296.788.082	5.451.035.517	(12.845.752.565)	18.296.788.082
Tổng cộng	18.296.788.082	5.451.035.517	(12.845.752.565)	6.920.197.466

(*) Công ty CP Khách sạn Lam Kinh (KSLK) có vốn điều lệ 190.000.000.000 đồng chia thành 19.000.000 cổ phần, Công ty sở hữu giữ 9,3% cổ phiếu có quyền biểu quyết.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Tòa nhà Dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****04. Trả trước cho người bán**

a) Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Trả trước cho người bán thông thường	-	-	1.558.641.896	-
Công ty TNHH thương mại cơ điện Việt Nhật	-	-	781.000.000	-
Các khách hàng khác	-	-	777.641.896	-
Trả trước cho bên liên quan	1.088.870.000	-	1.088.870.000	-
<i>(Thuyết minh VII.1)</i>				
Tổng cộng	1.088.870.000	-	2.647.511.896	-

b) Trả trước cho người bán dài hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Trả trước cho người bán thông thường	28.679.841.349	(20.000.000)	27.775.302.270	(20.000.000)
<i>Trong đó:</i>				
Công ty CP khoáng sản xây dựng phụ gia xi măng Thanh Hoá	16.353.500.000	-	16.353.500.000	-
Quân Đoàn 1	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
UBND Xã Mai Lâm	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng Thăng Long	1.300.000.000	-	1.300.000.000	-
Công ty CP xây dựng và TM Hùng Đô	1.148.135.182	-	1.148.135.182	-
Doanh nghiệp tư nhân Quý Thăng	642.064.500	-	642.064.500	-
Cty CP tư vấn và ĐTPT Bắc Sông Mã	20.000.000	(20.000.000)	20.000.000	(20.000.000)
Các khách hàng khác	2.716.141.667	-	1.811.602.588	-
Trả trước cho bên liên quan	32.927.760.861	-	35.562.704.359	-
<i>(Thuyết minh VII.1)</i>				
Tổng cộng	61.607.602.210	(20.000.000)	63.338.006.629	(20.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Tòa nhà Dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****05. Phải thu khác**

a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khác từ khách hàng thông thường	27.669.668.945	-	26.848.924.661	-
<i>Trong đó:</i>				
Phải thu các nhà thầu Dự án Nghi Sơn (*)	20.352.111.637	-	19.445.703.958	-
Công ty CP đầu tư và thương mại Dầu khí Sông Hồng (**)	6.942.986.111	-	7.117.152.777	-
Công ty CP Kinh Doanh dịch vụ cao cấp Dầu Khí (PVCR)	100.000.000	-	100.000.000	-
Các khách hàng khác	274.571.197	-	186.067.926	-
Phải thu khác từ bên liên quan <i>(Thuyết minh VII.1)</i>	7.573.842.692	-	2.500.755.647	-
Tổng cộng	35.243.511.637	-	29.349.680.308	-

(*) Bao gồm các khoản chi phí quyền góp từ thiện, kinh phí khen thưởng Ban quản lý, chi phí xây dựng hệ thống chiếu sáng và các chi phí chung mà Công ty sẽ phân bổ cho các nhà thầu phụ tham gia công trình lọc hóa dầu Nghi Sơn theo tỷ lệ khối lượng của mỗi nhà thầu khi có quyết toán. Tại thời điểm 31/12/2016, tỷ lệ khối lượng của mỗi nhà thầu chưa được xác định nên Ban Giám đốc Công ty chưa đánh giá được khả năng thu hồi của khoản công nợ này.

(**) Là chi phí sử dụng vốn phải thu đối với Công ty CP đầu tư và thương mại Dầu khí Sông Hồng về khoản góp vốn đầu tư ngắn hạn vào dự án Khu đô thị PVSH Garden tại huyện Nham Trạch, tỉnh Đông Nai như trình bày tại Thuyết minh số V.02.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Tòa nhà Dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MAU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dương Trọng Hưng (*)	7.464.542.727	-	7.464.542.727	-
Ký quỹ ký cược dài hạn	34.000.000	-	34.000.000	-
Khách hàng khác	2.989.000.000	-	2.989.000.000	-
Tổng cộng	10.487.542.727	-	10.487.542.727	-

(*) Là khoản phải thu ông Dương Trọng Hưng liên quan đến giá trị hoàn thành thi công tại công trình Dự án 157 ha Nghi Sơn từ năm 2011 nhưng chưa có hồ sơ chứng từ.

06. Nợ xấu

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cty CP tư vấn và DTPT Bắc Sông Mã	20.000.000	(20.000.000)	20.000.000	(20.000.000)
Tổng cộng	20.000.000	(20.000.000)	20.000.000	(20.000.000)

Trong năm 2015, Công ty đã hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khách hàng sau:

	Nợ gốc	Dự phòng (50%)	Hoàn nhập
Công ty CP KTKS luyện kim Thanh Hà	3.713.820.000	1.856.910.000	(1.856.910.000)
Công ty CP xây lắp dầu khí Trường Sơn	3.499.319.305	1.749.659.652	(1.749.659.653)
Công ty CP khoáng sản xây dựng phụ gia xi măng Thanh Hoá	16.353.500.000	8.176.750.000	(8.176.750.000)
Cộng	23.566.639.305	11.783.319.652	(11.783.319.653)

Đến thời điểm 31/12/2016, Công ty chưa thu hồi được bất kỳ số tiền nào từ các khoản phải thu nói trên. Tuy nhiên, Công ty đã không tiến hành tái lập dự phòng đối với các khoản phải thu này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

07. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Chi phí SXKD dở dang ngắn hạn	41.891.076.494	-	28.735.785.210	-
Thành phẩm	25.256.423.842	-	26.705.672.928	-
<i>Trong đó:</i>				
DA SLMB Liên hợp LHD Nghi Sơn	20.848.439.655	-	20.889.996.354	-
DA 25 ha Nghi Sơn	523.295.098	-	1.930.987.485	-
An sinh xã hội	3.860.515.127	-	3.860.515.127	-
Đá bazan	24.173.962	-	24.173.962	-
Tổng cộng	67.147.500.336	-	55.441.458.138	-

08. Tài sản dở dang dài hạn

a) Chi phí SXKD dở dang dài hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án Khách sạn Lam Kinh (*)	242.209.430.021	236.427.098.153	241.869.563.063	236.427.098.153
Tổng cộng	242.209.430.021	236.427.098.153	241.869.563.063	236.427.098.153

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

08. Tài sản dở dang dài hạn

a) Chi phí SXKD dở dang dài hạn

(*). Ngày 30/11/2011, Công ty và Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (KSLK) ký kết hợp đồng chuyển nhượng Số 41/2011/HĐCN về việc Công ty chuyển nhượng dự án Khách sạn Lam Kinh cho KSLK. Tổng giá trị chuyển nhượng tài sản dự án “*bằng giá trị quyết toán vốn đầu tư xây dựng Khách sạn Lam Kinh đã được phê duyệt và kiểm toán theo quy định*”

Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2010/HĐTD-DH/0403210, Phụ lục hợp đồng số 01/2010/ HĐTD-DH/0403210 Công ty nhận lại khoản vay dài hạn từ Công ty cổ phần Bất động sản tài chính dầu khí Việt Nam đối với Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Thanh Hóa (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa). Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư dự án Khách sạn Lam Kinh, nguồn thu từ dự án và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư từ dự án.

Theo đó, việc chuyển nhượng dự án phải được sự chấp thuận của Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa. Nghị quyết số 05/NQ-KSLK ngày 25/3/2015 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Khách sạn Lam Kinh xác nhận điều kiện này, ngoài ra Nghị quyết cũng xác nhận giá trị chuyển theo giá trị quyết toán, đã bao gồm thuế VAT, là 686.034.224.135 đồng.

Trước ngày 1/1/2015, Công ty đã ghi nhận doanh thu chuyển nhượng dự án trên cơ sở giá tạm tính, tổng số doanh thu lũy kế đã được ghi nhận là 387.667.476.486 đồng và giá vốn tương ứng là 387.278.250.584 đồng.

	Năm nay	Năm trước
Giá chuyển nhượng của Dự án	623.667.476.486	623.667.476.486
Phần doanh thu đã ghi nhận những năm trước	387.240.378.333	387.240.378.333
Giá trị có thể thu hồi từ dự án	236.427.098.153	236.427.098.153
Giá trị dở dang của dự án theo giá gốc	242.209.430.021	241.869.563.063
Lỗ tiềm tàng	(5.782.331.868)	(5.442.464.910)

Giá gốc của Dự án Lam Kinh có số dư 242.209.430.021 đồng là phần còn lại của tổng chi phí thực tế lũy kế của dự án 629.487.680.605 đồng trừ (-) giá vốn hàng bán đã ghi nhận 387.278.250.584 đồng của những năm tài chính trước đây.

Giá gốc của dự án tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm chi phí đi vay, tính đến hết năm 2014, được vốn hóa lên tới 160.571.976.781 đồng.

Chi phí đi vay (ước tính) liên quan đến dự án của năm 2015 là 36.984.228.196 đồng và của năm 2016 là 41.174.591.913 đồng chưa được ghi nhận vào báo cáo tài chính theo nguyên nhân của việc chưa ghi nhận khoản khoản lỗ tiềm tàng dưới đây.

Khoản lỗ tiềm tàng 5.782.331.868 đồng của dự án chưa được ghi nhận vào chi phí kinh doanh của năm 2016 là do Công ty đang trong quá trình thương thảo với Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa về việc điều chỉnh giảm lãi suất cho vay. Căn cứ hợp lý của việc điều chỉnh là Công ty đã không còn kiểm soát nguồn doanh thu của dự án với tư cách chủ sở hữu từ thời điểm 30/11/2011 (thời điểm ghi nhận khoản doanh thu chuyển nhượng dự án lần đầu tiên. Ban Giám đốc đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa sẽ chấp thuận việc chuyển nhượng dự án và điều chỉnh giảm lãi suất cho vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016	01/01/2016
Dự án 10 ha tại NS	34.215.815.776	33.637.791.231
Dự án 157 ha Nghi Sơn (*)	22.230.253.748	22.230.253.748
Nhà xưởng	-	1.608.042.557
Tổng cộng	56.446.069.524	57.476.087.536

(*) Trong sự liên quan tới Dự án 157 ha Nghi Sơn, ngày 1/8/2013, Ban quản lý khu kinh tế Nghi Sơn đã ra quyết định số 235/QĐ-BQLKKTNS về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đầu tư số 26221000081 ngày 23/10/2010 chấm dứt toàn bộ các hoạt động của Công ty liên quan đến dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp I và khu tập kết vật tư, thiết bị xây dựng khu liên hợp hóa dầu Nghi Sơn và thực hiện các thủ tục thanh lý dự án theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 24/9/2014, Công ty đã có biên bản làm việc với đối tác là Tổng Công ty Đầu tư và Xây dựng An Phát – CTCP về việc thỏa thuận hoàn trả chi phí đã đầu tư tại dự án, theo đó thống nhất giá trị đầu tư được hoàn trả 14.760.774.232, giá trị chưa được thống nhất là 11.661.761.861 đồng liên quan tới chi phí đền bù giải phóng mặt bằng mà Công ty đã ứng cho các hộ dân để thu hồi đất do chưa hoàn thiện các thủ tục có liên quan.

Ban Giám đốc đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng Công ty sẽ thu hồi đầy đủ dự án này, theo đó, chưa ghi nhận bất kỳ khoản chi phí có liên quan đến dự án vào báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

09. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Nguyên giá					
<i>Dư đầu năm</i>	462.877.774	2.123.053.986	5.291.321.176	196.699.676	8.073.952.612
<i>Tăng trong năm</i>	3.692.405.257	-	-	-	3.692.405.257
- XDCB hoàn thành	3.692.405.257	-	-	-	3.692.405.257
<i>Giảm trong năm</i>	-	563.898.923	-	-	563.898.923
- Thanh lý, nhượng bán	-	563.898.923	-	-	563.898.923
<i>Dư cuối năm</i>	4.155.283.031	1.559.155.063	5.291.321.176	196.699.676	11.202.458.946
Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Dư đầu năm</i>	240.370.785	1.703.332.970	4.333.892.452	196.699.676	6.474.295.883
<i>Tăng trong năm</i>	408.272.911	120.875.316	617.464.931	-	1.146.613.158
- Khấu hao trong năm	408.272.911	120.875.316	617.464.931	-	1.146.613.158
<i>Giảm trong năm</i>	-	563.898.923	-	-	563.898.923
- Thanh lý, nhượng bán	-	563.898.923	-	-	563.898.923
<i>Dư cuối năm</i>	648.643.696	1.260.309.363	4.951.357.383	196.699.676	7.057.010.118
Giá trị còn lại					
<i>Đầu năm</i>	222.506.989	419.721.016	957.428.724	-	1.599.656.729
<i>Cuối năm</i>	3.506.639.335	298.845.700	339.963.793	-	4.145.448.828

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****10. Bất động sản đầu tư****a) Bất động sản đầu tư cho thuê**

Khoản mục	Nhà và quyền sử dụng đất (*)	Cộng
Nguyên giá		
<i>Dư đầu năm</i>	<i>73.235.868.711</i>	<i>73.235.868.711</i>
<i>Tăng trong năm</i>	-	-
<i>Giảm trong năm</i>	-	-
<i>Dư cuối năm</i>	<i>73.235.868.711</i>	<i>73.235.868.711</i>
Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Dư đầu năm</i>	<i>12.199.285.096</i>	<i>12.199.285.096</i>
<i>Tăng trong năm</i>	<i>2.441.460.420</i>	<i>2.441.460.420</i>
- Khấu hao trong năm	2.441.460.420	2.441.460.420
<i>Giảm trong năm</i>	-	-
<i>Dư cuối năm</i>	<i>14.640.745.516</i>	<i>14.640.745.516</i>
Giá trị còn lại		
<i>Đầu năm</i>	<i>61.036.583.615</i>	<i>61.036.583.615</i>
<i>Cuối năm</i>	<i>58.595.123.195</i>	<i>58.595.123.195</i>

- (*) Bất động sản đầu tư cho thuê duy nhất Công ty sở hữu và kinh doanh trong năm 2015 là Tòa nhà Dầu khí, đặt tại số 38A, Đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa. Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư cho thuê với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2016 là 58.595.123.195 đồng để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 5 – Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2016 cần được trình bày trong báo cáo tài chính. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của Tòa nhà Dầu khí nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2016 chưa được trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Tòa nhà Dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****11. Vay và nợ thuế tài chính**

b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng VND	307.480.254.505	307.480.254.505	307.480.254.505	307.480.254.505
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (*)	307.480.254.505	307.480.254.505	307.480.254.505	307.480.254.505
Vay dài hạn cá nhân VND	2.386.543.274	2.386.543.274	3.200.000.000	3.200.000.000
Lê Văn Khoa	400.000.000	400.000.000	350.000.000	350.000.000
Nguyễn Duy Linh	-	-	500.000.000	500.000.000
Nguyễn Trung Liêm	119.113.274	119.113.274	200.000.000	200.000.000
Nguyễn Văn Dũng	-	-	150.000.000	150.000.000
Vũ Thúy Hạnh	1.867.430.000	1.867.430.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Tổng cộng	309.866.797.779	309.866.797.779	310.680.254.505	310.680.254.505

(*) Ngày 11/1/2011 Công ty nhận lại khoản vay dài hạn từ Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam vay của Công ty Tài chính Dầu khí Thanh Hóa (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa) theo Hợp đồng tín dụng số 01/2010/HĐTD-DH/0403210, Phụ lục hợp đồng số 01/2010/HĐTD-DH/0403210. Mục đích sử dụng vốn là thanh toán các chi phí thuộc tổng mức đầu tư dự án Khách sạn Lam Kinh với hạn mức 295.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là từ 27/12/2010 đến 15/4/2022. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng 1 lần tính từ 15/1/2011, lãi tiền vay trả định kỳ theo quý tính từ 27/12/2010. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư dự án Khách sạn Lam Kinh, nguồn thu từ dự án và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư từ dự án.

Tại ngày 28/1/2011, Công ty nhận lại khoản vay dài hạn từ Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam vay của Công ty Tài chính Dầu khí Thanh Hóa (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa) theo Hợp đồng tín dụng số 14/HĐTD-DH/PVFC TL08, phụ lục hợp đồng số 14/HĐTD-DH/PVFC TL08 và biên bản đối chiếu công nợ ngày 28/1/2011. Số tiền vay là 26.259.885.960 đồng, mục đích sử dụng vốn là đầu tư toa nhà văn phòng tại 38A Đại lộ Lê Lợi, thời hạn vay là 10 năm tính từ 24/12/2010, lãi tiền vay trả định kỳ theo quý tính từ 24/12/2010, lãi suất được điều chỉnh theo quý. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ Tòa nhà Dầu khí tại 38A Lê Lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Tòa nhà Dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****12. Phải trả người bán**

a) Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Phải trả người bán thông thường	13.096.699.913	13.096.699.913	7.464.398.377	7.464.398.377
Công ty Mê Kông	79.991.000	79.991.000	3.246.045.500	3.246.045.500
Tổng công ty XD số 01-TNHH 1 thành viên	3.015.783.360	3.015.783.360	1.578.761.124	1.578.761.124
Công ty cổ phần đầu tư xây lắp và thương mại Việt Nam	1.891.955.706	1.891.955.706	308.554.362	308.554.362
Công ty TNHH KD thép và vật tư Bình Minh	283.558.202	283.558.202	283.558.202	283.558.202
Công ty MTV Tân Thành 6	1.148.140.000	1.148.140.000	-	-
Các khách hàng khác	6.677.271.645	6.677.271.645	2.047.479.189	2.047.479.189
Phải trả người bán là bên liên quan	2.309.506.189	2.309.506.189	1.118.458.855	1.118.458.855
Tổng cộng	15.406.206.102	15.406.206.102	8.582.857.232	8.582.857.232

b) Phải trả người bán dài hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Phải trả người bán thông thường	25.321.875.643	25.321.875.643	29.778.731.033	29.778.731.033
Công ty TNHH Minh Hằng	2.361.558.818	2.361.558.818	7.128.282.536	7.128.282.536
Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn	6.899.276.718	6.899.276.718	6.899.276.718	6.899.276.718
Công ty cổ phần COSEVCO I	4.268.443.861	4.268.443.861	4.268.443.861	4.268.443.861
TCT công trình Giao thông I Thanh Hoá - CT CP	2.362.313.000	2.362.313.000	2.562.313.000	2.562.313.000
DNTN xây dựng Bắc Sơn	1.549.327.975	1.549.327.975	1.549.327.975	1.549.327.975
Cty CP KTKS Nghệ An	1.318.048.477	1.318.048.477	1.318.048.477	1.318.048.477
CTy TNHH Tùng Giang	1.233.761.111	1.233.761.111	1.233.761.111	1.233.761.111
Các khách hàng khác	5.329.145.683	5.329.145.683	4.819.277.355	4.819.277.355
Phải trả người bán là bên liên quan	53.826.498.065	53.826.498.065	55.593.913.324	55.593.913.324
Tổng cộng	79.148.373.708	79.148.373.708	85.372.644.357	85.372.644.357

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Tòa nhà Dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH EAGLEBURMANN Việt Nam	1.488.156.583	1.748.697.984
Trạm y tế Cẩm Vân, Cẩm Thủy	1.773.048.000	886.548.000
Ban điều hành NM Nhiệt điện Thái bình 2	1.861.869.111	-
Bệnh viện đa khoa Thọ Xuân	2.300.000.000	-
Các khách hàng khác	264.195.468	590.847.046
Tổng cộng	7.687.269.162	3.226.093.030

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**a) Phải thu**

	Đầu năm	Phải thu	Đã thu/Khấu trừ	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	301.954.675		301.954.675	-
Thuế TNDN	60.521.822		-	60.521.822
Tổng cộng	362.476.497	-	301.954.675	60.521.822

b) Phải trả

	Đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	623.830.488	312.265.232	530.619.697	866.665.754
Thuế thu nhập cá nhân	15.197.388	31.488.557	25.936.265	20.749.680
Thuế tài nguyên	3.953.586	-	-	3.953.586
Thuế, tiền thuê đất	138.727.722	467.697.780	477.150.208	129.275.294
Các loại thuế khác	-	13.384.000	13.384.000	-
Phí , lệ phí , phải nộp khác	2.823.990	-	-	2.823.990
Tổng cộng	784.533.174	827.835.569	1.050.090.170	1.023.468.304

15. Chi phí phải trả**a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Thi công cơ giới và Lắp máy dầu khí (PVC ME)	3.012.191.585	3.012.191.585
Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	207.803.658	207.803.658
Nhà thầu cung cấp bê tông	-	1.207.675.682
Công trình lán trại 8,2 ha (10 ha Nghi Sơn)	1.008.272.727	-
Vật tư công trình CVL 6	212.907.955	-
Thầu phụ công trình SLMB Nghi Sơn (25 ha)	1.118.204.235	-
Các nhà thầu khác	2.049.494.632	3.063.124.090
Tổng cộng	7.614.231.523	7.490.795.015

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Tòa nhà Dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****16. Phải trả khác**

a) Phải trả ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Phải trả ngắn hạn khác	73.948.957.122	71.750.030.100
<i>Trong đó:</i>		
Ngân hàng TMCP đại chúng Việt Nam	73.326.929.174	70.752.843.857
Bảo hiểm xã hội	126.628.590	399.745.071
Bảo hiểm y tế	39.640.121	81.118.894
Bảo hiểm thất nghiệp	28.567.614	36.009.502
Kinh phí công đoàn	207.513.069	174.702.799
Các đối tượng khác	219.678.554	305.609.977
Phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan <i>(Xem Thuyết minh VII.1)</i>	87.280.800	87.280.800
Tổng cộng	74.036.237.922	71.837.310.900

17. Doanh thu chưa thực hiện

a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Cung cấp dịch vụ	1.010.822.660	1.710.303.388
Tổng cộng	1.010.822.660	1.710.303.388

b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Bất động sản đầu tư cho thuê	19.732.620.319	20.213.903.741
Tổng cộng	19.732.620.319	20.213.903.741

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu"

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2015	210.000.000.000	6.355.535.090	1.567.942.490	(91.066.978.978)	126.856.498.602
- Tăng vốn năm trước					
- Lãi năm trước				9.847.941.405	9.847.941.405
Số dư ngày 31/12/2015	210.000.000.000	6.355.535.090	1.567.942.490	(81.219.037.573)	136.704.440.007
Số dư ngày 01/01/2016	210.000.000.000	6.355.535.090	1.567.942.490	(81.219.037.573)	136.704.440.007
- Lãi năm nay				1.033.811.251	1.033.811.251
- Cổ tức năm 2011				(33.500.000)	(33.500.000)
Số dư ngày 31/12/2016	210.000.000.000	6.355.535.090	1.567.942.490	(80.218.726.322)	137.704.751.258

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

12. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	75.600.000.000	75.600.000.000
Tổng Cty ĐTXD & TM Anh Phát	36.750.000.000	36.750.000.000
Ban Điều hành liên hiệp lọc hóa dầu Nghi Sơn	18.000.000.000	18.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	32.000.000.000	32.000.000.000
Các cổ đông khác	32.650.000.000	32.650.000.000
Cộng	210.000.000.000	210.000.000.000

b) Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	2.801.891.770	3.054.071.796
Doanh thu xây lắp	35.481.084.898	40.120.820.973
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.533.840.544	8.709.955.599
Tổng cộng	44.816.817.212	51.884.848.368

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	3.795.554.109	3.487.494.360
Giá vốn xây lắp	30.360.471.077	32.484.265.717
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.265.186.444	5.641.750.580
Tổng cộng	37.421.211.630	41.613.510.657

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	62.261.541	25.349.642
Tổng cộng	62.261.541	25.349.642

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (tiếp theo)****04. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	2.574.091.215	2.727.142.843
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	1.469.161.949	1.880.921.233
Tổng cộng	4.043.253.164	4.608.064.076

05. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	291.090.909	195.290.421
Tổng Cty ĐTXD & TM Anh Phát (*)	4.611.897.314	
Cho thuê phương tiện thi công	250.000.000	
Chuyển chi phí thành phải thu tại chi nhánh	193.456.726	
Các khoản thu nhập khác	43.147.876	
Tổng cộng	5.389.592.825	195.290.421

(*) Tương ứng với việc ghi nhận khoản phải thu đối với Tổng Cty ĐTXD & TM Anh Phát về việc Công ty đã thanh toán khối lượng của công trình “Dự án SLMB nhà máy LHD Nghi Sơn” từ năm 2011 cho nhà thầu là Tổng Cty ĐTXD & TM Anh Phát không đúng về khối lượng và giá. Tổng Cty ĐTXD & TM Anh Phát đã xác nhận khối lượng này trong biên bản được lập ngày 31/3/2017.

06. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Cho thuê phương tiện thi công	350.017.428	-
Công ty CP ĐT&TM Dầu khí Sông Hồng (*)	174.166.666	-
Chi phí khác	9.167.037	2.282.141
Tổng cộng	533.351.131	2.282.141

(*) Khoản điều chỉnh giảm chi phí sử dụng vốn đối với Công ty Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Hồng về dự án Khu đô thị PVSH Garden từ 7.117.152.777 đồng xuống còn 6.492.986.111 đồng (Xem Thuyết minh V.02).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Giao dịch đối với bên liên quan

a) Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty xây lắp Dầu khí Việt Nam	Cổ đông lớn
Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí -PVC	Chi nhánh của cổ đông lớn
Tổng Công ty ĐTXD & TM Anh Phát	Cổ đông lớn
Công ty CP Khách sạn Dầu khí Lam Kinh	Công ty liên kết
Công ty CP thi công cơ giới và lắp máy dầu khí	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty CP Xây lắp dầu khí Hà Nội	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty CP đầu tư xây dựng Vinaconex-PVC	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty CP trang trí nội thất Dầu Khí	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty CP xây lắp dầu khí Trường Sơn	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty CP xây lắp dầu khí Nghệ An	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty CP thương mại dầu khí Nghệ An	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty CP xây dựng công nghiệp và dân dụng Dầu khí	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty CP Anh Phát Nghi Sơn	Công ty liên kết của cổ đông lớn

b) Giao dịch với Bên liên quan

Doanh thu và thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty xây lắp Dầu khí Việt Nam	5.670.652.290	3.269.855.621
Tổng Cty ĐTXD & TM Anh Phát	4.611.897.314	5.400.000.000
Công ty CP thi công cơ giới và lắp máy dầu khí		5.174.903.891
Công ty CP xây dựng công nghiệp và dân dụng Dầu khí	20.042.400.823	219.266.600
Công ty CP xây dựng và dân dụng Dầu khí		21.827.765.778
Công ty CP Xây lắp dầu khí Hà Nội	1.620.168.422	1.294.550.682
Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí -PVC	3.582.478.733	
Ban ĐH DA Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	2.771.150.694	
Cộng	<u>28.016.198.672</u>	<u>28.516.486.951</u>

c) Số dư đối với các bên liên quan

Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(Thuyết minh V.03)

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Tổng Cty ĐTXD & TM Anh Phát	463.780.000	1.113.780.000
Công ty CP xây dựng công nghiệp và dân dụng Dầu khí		165.000.000
Cộng	<u>463.780.000</u>	<u>1.278.780.000</u>

Phải thu dài hạn của khách hàng

(Thuyết minh V.03)

Công ty CP Khách sạn Dầu khí Lam Kinh	49.660.578.319	49.660.578.319
Tổng Công ty xây lắp Dầu khí Việt Nam	13.936.939.076	14.086.110.274
Công ty CP xây dựng và dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	4.955.993.883	2.401.054.236
Cộng	<u>68.553.511.278</u>	<u>66.147.742.829</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Giao dịch đối với bên liên quan

c) Số dư đối với các bên liên quan	31/12/2016	01/01/2016
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
<i>(Thuyết minh V.04)</i>		
Công ty cổ phần Anh Phát Nghi Sơn	1.088.870.000	1.088.870.000
Cộng	1.088.870.000	1.088.870.000
Trả trước cho người bán dài hạn		
<i>(Thuyết minh V.04)</i>		
Tổng Cty ĐTXD & TM Anh Phát	27.700.063.484	30.335.006.982
Công ty CP xây lắp dầu khí Trường Sơn	3.499.319.305	3.499.319.305
Công ty CP đầu tư XD Vinaconex - PVC	1.728.378.072	1.728.378.072
Cộng	32.927.760.861	35.562.704.359
Phải thu ngắn hạn khác		
<i>(Thuyết minh V.05)</i>		
Công ty CP thi công cơ giới và lắp máy dầu khí (PVC ME)	1.412.124.880	1.412.124.880
Công ty CP đầu tư xây dựng Vinaconex-PVC (DA Lam Kinh)	994.670.905	994.670.905
Công ty CP Khách sạn Dầu khí Lam Kinh	4.754.218	4.754.218
Công ty CP đầu tư XD Vinaconex - PVC - DA 25 ha Nghi Sơn	89.205.644	89.205.644
Tổng Cty ĐTXD & TM Anh Phát (*)	5.073.087.045	
Cộng	7.573.842.692	2.500.755.647
(*) Tổng Cty ĐTXD & TM Anh Phát là một trong những nhà thầu của Công ty tại Công trình “Dự án SLMB nhà máy LHD Nghi Sơn”. Trong một phiếu giá thanh toán khối lượng san lấp phát sinh trong năm 2011, Công ty đã xác nhận và thanh toán không đúng về khối lượng và đơn giá với tổng giá trị bao gồm cả thuế là 5.073.087.045 đồng. Tổng Cty ĐTXD & TM Anh Phát đã xác nhận khối lượng này trong biên bản được lập ngày 31/3/2017 với Công ty.		
Phải trả người bán ngắn hạn		
<i>(Thuyết minh V.12)</i>		
Công ty CP Khách sạn Dầu khí Lam Kinh	934.589.589	885.169.005
Tổng Công ty ĐTXD & TM Anh Phát	233.289.850	233.289.850
CN xây lắp công trình dầu khí phía Bắc - PVC	1.141.626.750	-
Cộng	2.309.506.189	1.118.458.855
Phải trả ngắn hạn khác		
<i>(Thuyết minh V.16)</i>		
Tổng Công ty xây lắp Dầu khí Việt Nam	87.280.800	87.280.800
Cộng	87.280.800	87.280.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Giao dịch đối với bên liên quan

c) Số dư đối với các bên liên quan

	31/12/2016	01/01/2016
Phải trả người bán dài hạn		
<i>(Thuyết minh V.12)</i>		
Công ty CP đầu tư xây dựng Vinaconex-PVC	24.818.030.770	24.818.030.770
Công ty CP thi công cơ giới và lắp máy dầu khí	22.802.329.167	22.802.329.167
Công ty CP Xây lắp dầu khí Hà Nội	1.781.771.063	5.123.467.988
Tổng Công ty xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.574.281.666	-
Công ty CP trang trí nội thất Dầu Khí	1.191.563.979	1.191.563.979
Công ty CP thương mại dầu khí Nghệ An	810.495.359	810.495.359
Tổng Công ty ĐTXD & TM Anh Phát	626.803.218	626.803.218
Công ty CP Thi công cơ giới và lắp máy dầu khí	164.100.994	164.100.994
Công ty CP xây lắp dầu khí Nghệ An	54.121.849	54.121.849
Công ty CP trang trí nội thất Dầu Khí	3.000.000	3.000.000
Cộng	53.826.498.065	55.593.913.324

02. Công cụ tài chính

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tuy nhiên cho đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông tư 210, do đó các công cụ tài chính trong báo cáo tài chính kỳ này ngoại trừ phải thu khách hàng và phải thu khác vẫn được trình bày theo giá gốc.

Các công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.131.325.442		1.431.877.761	
Phải thu khách hàng và phải thu khác	125.127.228.600	(20.000.000)	115.584.173.006	(20.000.000)
Đầu tư ngắn hạn	25.494.282.399		27.500.000.000	
Đầu tư dài hạn	18.296.788.082	(12.845.752.565)	18.296.788.082	(11.376.590.616)
	170.049.624.523	(12.865.752.565)	162.812.838.849	(11.396.590.616)

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm	Đầu năm
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	309.866.797.779	310.680.254.505
Phải trả người bán và phải trả khác	168.590.817.732	165.792.812.489
Chi phí phải trả	7.614.231.523	7.490.795.015
	486.071.847.034	483.963.862.009

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

02. Công cụ tài chính (tiếp)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán ngoại trừ tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải gánh chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất, giá cổ phiếu và giá sản phẩm/giá nguyên phụ liệu.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty liên quan chủ yếu tới các khoản vay có lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình để đưa ra quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được lãi suất có lợi cũng như duy trì cơ cấu vay phù hợp.

Rủi ro lãi suất

	Số dư vay 31/12/2015	Lãi suất bình quân năm
Lãi suất cố định	2.386.543.274	5,87%
Vay cá nhân	2.386.543.274	5,87%
Lãi suất thả nổi	307.480.254.505	12,70%
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	307.480.254.505	12,70%
Cộng vay và nợ	309.866.797.779	12,65%

Tại ngày 31/12/2016, với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận trước thuế đối với thay đổi thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của lãi suất của các khoản vay và nợ có lãi suất thả nổi, như sau:

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**02. Công cụ tài chính (tiếp)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Năm nay	Thay đổi lãi suất	Tăng giảm lợi
	(%)	nhuận trước thuế
	+10%	3.904.999.232
	-10%	(3.904.999.232)

Quản lý rủi ro giá bán sản phẩm/giá mua nguyên phụ liệu

Hoạt động sản xuất kinh doanh có rủi ro về sự biến động của giá bán sản phẩm và giá mua nguyên phụ liệu, Công ty quản lý loại rủi ro này bằng cách theo dõi chặt chẽ thông tin có liên quan của thị trường đầu ra và thị trường đầu ra nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp nhằm đảm bảo sự cân đối hợp lý giữa rủi ro và lợi nhuận có thể thu từ khách hàng được cấp tín dụng. Công ty thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng quá mức hay không.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty không đảm bảo được nguồn vốn cần thiết khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Rủi ro thanh khoản chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các cổ đông cam kết góp. Thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương	1.131.325.442	-	-	1.131.325.442
Phải thu khách hàng và khác	41.808.174.882	83.299.053.718	-	125.107.228.600
Đầu tư tài chính	25.494.282.399	-	5.451.035.517	30.945.317.916
Cộng tài sản tài chính	68.433.782.723	83.299.053.718	5.451.035.517	157.183.871.958
Vay và nợ	-	309.866.797.779	-	309.866.797.779
Phải trả người bán và phải trả khác	89.442.444.024	79.148.373.708	-	168.590.817.732
Chi phí phải trả	7.614.231.523	-	-	7.614.231.523
Cộng nợ phải trả tài chính	97.056.675.547	389.015.171.487	-	486.071.847.034
Tài sản tài chính thuần	(28.622.892.824)	(305.716.117.769)	5.451.035.517	(328.887.975.076)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

03. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2015 được kiểm toán bởi cùng công ty kiểm toán; một số khoản mục được điều chỉnh hồi tố.

	31/12/2015 (Đã được trình bày trước đây)	Điều chỉnh	31/12/2015 (Trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	(9.495.669.383)	(1.880.921.233)	(11.376.590.616)
Lợi nhuận chưa phân phối (*)	(79.338.116.340)	(1.880.921.233)	(81.219.037.573)
	Năm 2015 (Đã được trình bày trước đây)	Điều chỉnh	Năm 2015 (Trình bày lại)
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH			
Chi phí tài chính (*)	2.727.142.843	1.880.921.233	4.608.064.076

(*) Khoản điều chỉnh tăng dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn đối với công ty liên kết là Công ty CP Khách sạn Dầu khí Lam Kinh.



Nguyễn Quốc Đạt
Giám đốc

Thanh Hóa, ngày 03 tháng 04 năm 2017



Vũ Thị Hải
Phụ trách kế toán



Dương Thị Nhung
Người lập